

The 6th Hong Kong Masters Athletics Championships

第六屆香港先進田徑錦標賽



Name	姓名	性別	組別	屬會	編號	Name	姓名	性別	組別	編號	
CHAN BARON	譚浩生	M	M35	HKMP	*35071	LAI CHUN HUNG	黎振雄	M	M35	WAC	*35107
CHAN KWOK HEI MATTHEW	陳純青	M	M35	DBSAC	*35043	LAI KA	懶家斌	M	M35	WAC	*35108
CHAN TSZ CHUNG	陳國熙	M	M35	SJACS	*35103	LAM HO YIN	林浩賢	M	M35	LSCAC	*35083
CHAN TSZ LEUNG	陳子聰	M	M35	DBSAC	*35044	LAM WAI HEI	林偉熹	M	M35	SCAA	*35098
CHENG CHUN YEUNG	陳梓良	M	M35	CSDSA	*35041	LAU BENTLEY TING PONG	劉定邦	M	M35	DBSAC	*35055
CHENG FU ON	鄭振揚	M	M35	DBSAC	*35045	LAU HING	劉鑫	M	M35	SCAA	*35099
CHEUNG CHE WAI	鄭富安	M	M35	DBSAC	*35046	LAU WAI HO VIO	劉偉豪	M	M35	HKMP	*35072
CHEUNG HOK SUM	張志偉	M	M35	PAC	*35092	LAW CHUN KIN	羅俊健	M	M35	JSA	*35077
CHEUNG KA LAI	張學琛	M	M35	LSCAC	*35079	LEE CHAK MING		M	M35	WAC	*35417
CHEUNG KEI	張嘉禮	M	M35	SCAA	*35097	LEE CHI WING GORDON	李志榮	M	M35	PAC	*35093
CHEUNG TAI YIP KENO		M	M35	IRC	*35073	LEE KWAN LEONG	李君亮	M	M35	WAC	*35109
CHEUNG WING FAI	張泰業	M	M35	DBSAC	*35047	LEUNG CHI CHEONG	梁志鏘	M	M35	SCAA	*35100
CHIU NGOK HEI	張榮輝	M	M35	WAC	*35504	LEUNG CHI YIN	梁智賢	M	M35	DBSAC	*35056
CHOR PAK HOO	晁岳熙	M	M35	DBSAC	*35048	LEUNG CHIN KIN	梁展健	M	M35	DBSAC	*35057
CHOW CHUN HIN ERIC	左柏豪	M	M35	DBSAC	*35049	LEUNG CHUN WAI	梁俊偉	M	M35	WAC	*35528
Chow Wai Kin	周俊軒	M	M35	LSCAC	*35080	LEUNG KA KIT GORDON	梁家傑	M	M35	LSCAC	*35084
CHOW YIU MING	周偉健	M	M35	CGHCAC	*35038	LEUNG NGAI	梁毅	M	M35	DBSAC	*35058
CHU YIM PUI JONATHAN	周耀明	M	M35	DBSAC	*35050	LEUNG TSZ KI	梁子琦	M	M35	DBSAC	*35059
CHUNG KOON TING	朱炎培	M	M35	LSCAC	*35081	LI CHUNG LUN LAWRENCE	李宗倫	M	M35	DBSAC	*35060
FLETCHER SAMUEL	鍾冠廷	M	M35	WAC	*35106	LI WAI LAM	李慧霖	M	M35	WAC	*35110
GIBBS Alistair		M	M35	IRC	*35074	LING TSZ KIT	凌子傑	M	M35	DBSAC	*35061
HONG KWAN YU		M	M35	AVOHK	*35070	LUI KA HO	呂家豪	M	M35	WAC	*35362
HUI CHEUK YIN DEREK	康鈞宇	M	M35	SHTB	*35101	LUK BENSON	陸瀚民	M	M35	LSCAC	*35085
HUI SIU TUNG	許焯彥	M	M35	LSCAC	*35082	MA DICKSON SIU HANG	馬兆鏗	M	M35	LSCAC	*35086
IP KA YEUNG THOMAS	許兆東	M	M35	DBSAC	*35051	MAUDUIT ARNAUD		M	M35	AVOHK	*35036
KAM HOI FUNG EDWARD	葉家陽	M	M35	JSA	*35076	NG KEVIN	吳偉基	M	M35	DBSAC	*35062
KO KA FAI	甘凱鋒	M	M35	DBSAC	*35052	SAT KA CHUN		M	M35	LSCAC	*35087
KOLJONEN PAUL	高嘉輝	M	M35	DBSAC	*35053	SHAM HO KI KENNY		M	M35	LSCAC	*35088
	高日藍	M	M35	DBSAC	*35054	SHE WONG HOI	石黃海	M	M35	DBSAC	*35063

* 經團體報名



Name	姓名	性別	組別	屬會	編號	Name	姓名	性別	組別	編號
SHEK ANTHONY	石恆聰	M	M35	DBSAC	*35064					
Sit Kin Ngok	薛建岳	M	M35	CGHCAC	*35039					
SO CHI PONG	蘇智邦	M	M35	PAC	*35094					
SZETO TIMOTHY MAN HO	司徒民浩	M	M35	LSCAC	*35089					
TAM SIO WA	譚少華	M	M35	JSA	*35078					
TSANG FAN CHUN BRIAN	曾繁俊	M	M35	LSCAC	*35090					
TSE CHUN HUNG	謝振雄	M	M35	SHTB	*35102					
TSE HOI FAT	謝海發	M	M35	LSCAC	*35091					
TSE MAN HO	謝文浩	M	M35	PAC	*35095					
WONG CHI FAI	黃志輝	M	M35	WAC	*35512					
WONG GAR LAKE	黃嘉力	M	M35	DBSAC	*35065					
WONG MAN YUI	黃文銳	M	M35	TCAA	*35104					
WONG PATRICK	黃君豪	M	M35	DBSAC	*35066					
WONG ROBERT	黃家豪	M	M35	PAC	*35096					
WONG WAH	黃樺	M	M35	DBSAC	*35067					
WOO DAVID		M	M35	AVOHK	*35037					
WORTH ADRIAN		M	M35	IRC	*35075					
WUN YIU CHEONG	溫耀昌	M	M35	TCAA	*35105					
YAN HO CHUN	殷浩俊	M	M35	DBSAC	*35068					
Yeung Hau Mo	楊翰武	M	M35	CGHCAC	*35040					
YEUNG WAI LOK	楊偉諾	M	M35	CSDSA	*35042					
YIP PAUL SHEUNG LAI	葉尚澧	M	M35	DBSAC	*35069					

* 經團體報名